

BIỂU PHÍ B: BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TIỀN GỬI

(Ban hành kèm theo QĐ số 385/QĐ-TGD.26 ngày 28/03/2026)

Hạng mục phí			Mức phí VNĐ	Mức phí ngoại tệ	Ghi chú	Phân loại nhóm phí
GIAO DỊCH TIỀN GỬI (áp dụng cho các loại hình tiền gửi như: STK, CCTG, HĐTG, kỳ phiếu, ...bằng VNĐ, USD và ngoại tệ khác)						
1	Gửi tiền gửi		Miễn phí			C
2	Rút tiền gửi					
2.1	Bằng tiền mặt	Cùng tỉnh/thành phố	Miễn phí			C
		Khác tỉnh/thành phố	Miễn phí			C
		Đối với loại hình tiền gửi có kỳ hạn đến hạn tất toán hoặc đã tái tục	Miễn phí			C
		Đối với loại hình tiền gửi không kỳ hạn	Miễn phí			C
2.2	Chuyển khoản đi		Theo mục A.4 hạng mục phí giao dịch tài khoản thanh toán - Biểu phí A (biểu phí dịch vụ tiền gửi thanh toán dành cho khách hàng cá nhân)		Thu công	A
2.3	Tất toán tiền gửi trước hạn khác tỉnh/thành phố mở STK		Theo mục A.3 hạng mục phí giao dịch tài khoản thanh toán Biểu phí A (biểu phí dịch vụ tiền gửi thanh toán dành cho khách hàng cá nhân)		Thu công	C
3	Phí kiểm đếm					
	Áp dụng trong vòng 2 ngày làm việc, kể từ ngày nộp tiền mặt vào STK/Giấy tờ có giá khác, nếu khách hàng có nhu cầu rút tiền mặt hoặc chuyển khoản đi.		Theo mục E.1 hạng mục phí dịch vụ ngân quỹ Biểu phí A (biểu phí dịch vụ tiền gửi thanh toán dành cho khách hàng cá nhân)		Thu công	C
4	Phí đăng ký dịch vụ thông báo SMS cho sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá khác (áp dụng đối với những sản phẩm có dịch vụ này)		10.000 VNĐ/sổ/1 lần đăng ký		Thu công	A
5	Phí thông báo mất Sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá khác		50.000 VNĐ/sổ		Thu công	C

Hạng mục phí		Mức phí VNĐ	Mức phí ngoại tệ	Ghi chú	Phân loại nhóm phí
GIAO DỊCH TIỀN GỬI (áp dụng cho các loại hình tiền gửi như: STK, CCTG, HĐTG, kỳ phiếu, ...bằng VNĐ, USD và ngoại tệ khác)					
6	Cấp lại Sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá khác (nếu được phê duyệt cấp lại)	100.000 VNĐ/sổ		Thu công	C
7	Chuyển nhượng Sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá khác (trừ trường hợp có quy định riêng)	50.000 VNĐ/sổ/1 lần chuyển nhượng		Thu công	C
8	Phí phong tỏa Sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá				
	Phong tỏa sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá khác mở kênh Quầy theo yêu cầu của KH (không áp dụng cho các trường hợp phong tỏa theo yêu cầu sản phẩm của ABBank)	- KH thường: 50.000đ/sổ - KHUT: Miễn phí		Thu công	C
	Phong tỏa sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá khác mở kênh Online (mở trên APP AB Ditizen, dịch vụ Online banking)	Miễn phí		Thu công	C
	Phong tỏa để vay vốn tại ngân hàng khác (Áp dụng cho STK/Giấy tờ có giá kênh Quầy & kênh Online)	0,1%/ giá trị phong tỏa Tối thiểu: 200.000 VNĐ/ lần phong tỏa Tối đa: 1.000.000 VNĐ/ lần phong tỏa		Thu công	C
9	Phí ủy quyền giao dịch Sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá	20.000 VNĐ/sổ/1 lần ủy quyền		Thu công	C
10	Phí xác nhận số dư Sổ tiết kiệm/ Giấy tờ có giá				
	Sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá mở kênh Quầy	- KH thường: 50.000 VNĐ/ 1 bản/ 1 lần xác nhận - Từ bản thứ 2: 10.000 VNĐ/ 1 bản / 1 lần xác nhận - KHUT: Miễn phí		Thu công	C
	Sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá mở kênh Online (mở trên APP AB Ditizen, dịch vụ Online banking)	Miễn phí		Thu công	C
11	Phí giải quyết hồ sơ thừa kế	50.000 VNĐ/sổ		Thu công	C

Hạng mục phí		Mức phí VNĐ	Mức phí ngoại tệ	Ghi chú	Phân loại nhóm phí
GIAO DỊCH TIỀN GỬI (áp dụng cho các loại hình tiền gửi như: STK, CCTG, HDTG, kỳ phiếu, ...bằng VNĐ, USD và ngoại tệ khác)					
12	Các loại phí khác	50.000 VNĐ/sổ		Thu công	C

Lưu ý:

- Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).
- Phí tiền gửi tiết kiệm và các chi phí khác đã thu sẽ không hoàn lại vì bất cứ lý do nào.
- Khi thực hiện các giao dịch trong biểu phí B này, nếu có phát sinh điện phí, bưu phí, hoặc các chi phí thực tế khác, ABBank sẽ thu thêm theo chi phí thực tế.
- Các chi phí khác liên quan đến tiền gửi tiết kiệm phát sinh ngoài danh mục quy định trong biểu phí, ĐVKD trình về thành viên Ban điều hành phụ trách Khối KHCN/Giám Đốc Khối KHCN để được xem xét phê duyệt.
- Đối với các khoản phí quy định bằng USD, nếu thu bằng VNĐ hoặc ngoại tệ tương đương, ABBank sẽ tính theo tỷ giá bán ngoại tệ do ABBank niêm yết tại thời điểm thu.
- Biểu phí trên có thể thay đổi theo quy định của ABBank trong từng thời kỳ và được thông báo trên website: www.ABBank.vn.